

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **604/2026/DS-PT**

Ngày: 10/8/2026

V/v: *Tranh chấp chia thừa kế*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Thắng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Như Lâm

Bà Đặng Mai Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Phương Dung

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Trần Thị Ngoan – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 601/2025/DSPT ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 221/2025/DSST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 408/2026/QĐXXPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 642/2026/QĐ-HPT ngày 03/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 502/2026/QĐ-HPT ngày 17/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 538/2026/QĐ-HPT ngày 03/8/2026, giữa:

1. Đồng Nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1957; CCCD 031157005821. Địa chỉ: Số D T, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội; (Nay là phường Đ, thành phố Hà Nội). Có mặt.

1.2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1964; CC 001164028218. Địa chỉ: Số C P, phường B, quận L, thành phố Hà Nội; (Nay là phường B, thành phố Hà Nội). Có mặt.

1.3. Bà Trần Kim N, sinh năm 1970; CCCD 001170049748. Địa chỉ: Số A ngõ A Q, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. (Nay là phường T, thành phố Hà Nội). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị H: Luật sư Phạm Đức T, Luật sư Tạ Văn T1 và Luật sư Nguyễn Giang M - Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Luật sư Phạm Đức T và Luật sư Nguyễn Giang M có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Chiến T2, sinh năm 1975; CCCD 001075009435. Địa chỉ: Số D ngõ D V, phường T (cũ phường N), quận Đ, thành phố Hà Nội. (Nay là phường Đ, thành phố Hà Nội). Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Bạch T3, sinh năm 1962; CCCD 001162017986. Địa chỉ: Số D ngõ D V, phường T (cũ phường N), quận Đ, thành phố Hà Nội. Nay là phường Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.2. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1954; Địa chỉ: B, P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số A, ngõ C, ngách C phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nay là phường Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.4. Bà Bùi Thu H3, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số D ngõ D V, phường T (cũ phường N), quận Đ, thành phố Hà Nội. Nay là phường Đ, thành phố Hà Nội.

3.5. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956; CCCD 001156025415. Địa chỉ: Số A ngõ C, thôn T, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội. Nay là xã A, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.6. Chị Trần Minh P, sinh năm 2006; Địa chỉ: Số D ngõ D V, phường T (cũ phường N), quận Đ, thành phố Hà Nội. Nay là phường Đ, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1964; CCCD 001064004069. Địa chỉ: Số C phố P, phường B, quận L, thành phố Hà Nội. Nay là phường B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H, bà Trần Thị L, bà Trần Thị N1 trình bày:** Bố mẹ chúng tôi là ông Trần Đình T4 (mất năm 2000, không để lại di chúc) và bà Nguyễn Thị T5 (mất năm 2014, có để lại di chúc). Bố mẹ chúng tôi sinh được 07 người con gồm: Trần Thị H1; Trần Thị H; Trần Thị H2; Trần Thị Bạch T3; Trần Thị L; Trần Kim N; Trần Chiến T2. Ngoài 07 người con đề nêu trên, ông T4 không ai có con riêng và con nuôi nào khác. Bà T5 có người con riêng là bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị D1), sinh năm 1949; Hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số A ngõ C, thôn T, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Ông T4 và bà T5 có tài sản chung là căn nhà 03 tầng diện tích khoảng 70 m² tại địa chỉ: Số C, tổ G phường T, quận Đ, Hà Nội. Năm 2009, căn nhà này được bà T5 và 07 người con thống nhất bán với số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Sau khi bán, số tiền này được bà T5 họp gia đình với đầy đủ các thành viên là các con (con của ông T4, bà T5) và mọi người cùng thoả thuận thống nhất phân chia tiền bán nhà theo Biên bản ngày 13/10/2009. Cụ thể: Anh Trần Chiến T2 được nhận 1/3 số tiền, tương ứng với 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) để mua nhà ở; Sáu người con gái được nhận 1/3 số tiền tương ứng với 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*). Số tiền còn lại bà T5 dùng để mua căn nhà tại địa chỉ: Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội, để sinh sống, an dưỡng tuổi già. Tất cả mọi người đều đồng ý, đã nhận đủ số tiền và không có tranh chấp gì về việc này.

Do hoàn cảnh tuổi cao sức yếu khó khăn trong việc đi lại nên bà T5 đã nhờ con rể là Nguyễn Ngọc D (chồng Trần Thị L) đứng tên thay bà T5 thực hiện các thủ tục mua bán căn nhà tại địa chỉ: Số D ngõ D phố V, phường N (mới là phường T), quận Đ, Hà Nội. Ông Nguyễn Ngọc D đứng tên trên Hợp đồng mua bán nhà ngày 16/01/2010 với Bên bán là ông Điền Văn T6, cùng vợ là bà Vũ Thị Hạnh N2 (địa chỉ: Số F phố V, tổ F N, quận Đ, Hà Nội). Nội dung này được ông Điền Văn T6, ông Nguyễn Ngọc D thừa nhận và lập thành các Văn bản cam kết.

Căn nhà trên được mua với giá 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*), còn 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), bà T5 nhờ Trần Thị L gửi tiết kiệm Ngân hàng để lo thuốc thang, ăn dưỡng tuổi già. Như vậy, căn nhà tại địa chỉ: Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị T5.

Về di chúc: Sau khi nhận chuyển nhượng, bà T5 về sinh sống tại căn nhà này và đến ngày 26/04/2014 thì bà T5 mất do bệnh Ung thư phổi và để lại bản di chúc đề ngày 02/01/2014. Di nguyện của bà T5 sau khi qua đời là để lại căn nhà tại địa chỉ: Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội cho bốn chị em gái gồm: Trần Thị H, Trần Thị Bạch T3, Trần Thị L và Trần Kim N. Đây là căn nhà khi còn sống bà Nguyễn Thị T5 ở và sinh hoạt và sau khi bà mất thì bốn chị em chúng tôi có quyền quản lý, sử dụng căn nhà này. Bản di chúc này được lập vào hồi 20h ngày 02/01/2014 tại nhà số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội; khi đó bà T5 trong tinh thần minh mẫn, sáng suốt, không bị ai ép buộc. Bản di chúc được lập dưới sự làm chứng của bà Phạm Thị L1 (sinh năm 1939), bà Trương Thị Thanh N3 (sinh năm 1966). Ngoài ra còn có sự chứng kiến của Luật sư Cao Văn B –Trưởng Văn phòng L4. Sau khi bà T5 mất, bốn chị em có tên trong di chúc được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng căn nhà trên và không xảy ra mâu thuẫn tranh giành tài sản gì.

Tuy nhiên, đến năm 2018 thấy gia đình anh Trần Chiến T2 gặp khó khăn, không có nhà cửa ở ổn định nên các chị em đã trao đổi và đồng ý để cho vợ chồng và các con anh T2 được mượn, chuyển vào ở sinh sống tại căn nhà, địa chỉ: Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội. Anh Trần Chiến T2 cam kết sẽ trả lại nhà khi chúng tôi yêu cầu theo nội dung Bản cam kết ngày 18/12/2018.

Song, thời gian gần đây, khi bà H yêu cầu gia đình anh Trần Chiến T2 dọn ra ngoài và trả lại căn nhà thì vợ chồng anh T2 lại không đồng ý. Vợ chồng anh T2 ngang nhiên cho rằng đây là tài sản của mình. Sự việc này được UBND phường N, quận Đ đã tổ chức buổi hòa giải ngày 28/12/2020. Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận được phương án giải quyết nên buổi hòa giải không thành.

Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết: Công nhận Bản di chúc ngày 02/01/2014 của bà Nguyễn Thị T5 là hợp pháp. Đề nghị phân chia di sản thừa kế theo nội dung Bản di chúc đối với căn nhà tại địa chỉ: Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội cho bốn chị em gồm: Trần Thị H, Trần Thị Bạch T3, Trần Thị L và Trần Kim N.

*** Tại bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn có yêu cầu phản tố ông Trần Chiến T2 trình bày:** Mẹ tôi (bà Nguyễn Thị T5) mất năm 2014, có để lại tài sản riêng là căn nhà tại địa chỉ: Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội. Sau khi mất, mẹ tôi đã để lại Bản di chúc được lập ngày 02/01/2014 dưới sự làm chứng của bà Phạm Thị L1 (sinh năm 1939), bà Trương Thị Thanh N3 (sinh năm 1966) và sự chứng kiến của Luật sư Cao Văn B – Trưởng phòng Luật sư Tạ Định trong đó có nêu về việc phân chia tài sản này sau khi mẹ tôi mất. Mặc dù sau khi mẹ tôi mất có để lại Bản di chúc nêu trên nhưng tôi nhận thấy Bản di chúc này không hợp pháp và không thể hiện khách quan đối với di nguyện của mẹ tôi sau khi mất bởi các lẽ như sau:

Thứ nhất: Về thời điểm lập di chúc

Căn cứ Điều 652 Bộ luật Dân sự 2005 (luật có hiệu lực tại thời điểm lập di chúc) về di chúc hợp pháp quy định:

“1. Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;

b) Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật.”

Di chúc bằng văn bản không có công chứng, chứng thực xác định là hợp pháp, nếu có đủ các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều này. Bản di chúc được lập vào hồi 20h ngày 02/01/2014 tại thời điểm mẹ tôi bị Ung thư phổi trước khi mẹ tôi mất hơn 03 tháng (mẹ tôi mất ngày 26/4/2014). Tại thời điểm đó, mẹ tôi đã 85 tuổi, chịu căn bệnh Ung thư giai đoạn cuối hành hạ (mẹ tôi phát hiện ung thư phổi từ tháng 8/2013) nên việc sử dụng morphin đã được bác sĩ chỉ định dùng cho mẹ tôi với liều lượng cao (loại thuốc được sử dụng để giảm đau mạnh cho các bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối). Do đó, mẹ tôi đã chịu ảnh hưởng bởi tác dụng của thuốc gây ức chế thần kinh khiến mẹ tôi bị mất tập trung và giảm trí nhớ trầm trọng nên không còn minh mẫn và sáng suốt trong khi lập di chúc tại thời điểm ngày 02/01/2014. Vì vậy, Bản di chúc này không đảm bảo điều kiện về tính hợp pháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 652 Bộ luật Dân sự 2005 nêu trên.

Thứ hai: Về hình thức của di chúc

Căn cứ Điều 653 Bộ luật Dân sự 2005 về nội dung của di chúc bằng văn bản quy định:

“1. Di chúc phải ghi rõ:

a) Ngày, tháng, năm lập di chúc;

b) Họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc;

c) Họ, tên người, cơ quan, tổ chức được hưởng di sản hoặc xác định rõ các điều kiện để cá nhân, cơ quan, tổ chức được hưởng di sản;

d) Di sản để lại và nơi có di sản;

đ) Việc chỉ định người thực hiện nghĩa vụ và nội dung của nghĩa vụ.

2. Di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu; nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc.”

Căn cứ Điều 656 Bộ luật Dân sự 2005 về di chúc bằng văn bản có người làm chứng quy định:

“Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc.

Việc lập di chúc phải tuân theo quy định tại Điều 653 và Điều 654 của Bộ luật này.”

Như vậy, theo các quy định nêu trên, việc lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng hợp pháp phải đảm bảo nội dung di chúc không trái pháp luật. Theo đó, di chúc bằng văn bản có người làm chứng gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc.

Tuy nhiên, Bản di chúc ngày 02/01/2014 gồm 04 trang, không phải do mẹ tôi tự mình viết, từng trang không được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ. Vì vậy, tính chính xác về nội dung các trang trong Bản di chúc có được vẹn toàn khi Bản di chúc được lập không đảm bảo tính hợp pháp về nội dung của di chúc bằng văn bản theo quy định pháp luật nêu trên.

Vì vậy, tôi kính mong và đề nghị quý Tòa xem xét giải quyết:

1. Không công nhận tính hợp pháp đối với Bản di chúc ngày 02/01/2014.

2. Phân chia di sản thừa kế là căn nhà Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội theo quy định pháp luật. Vợ chồng tôi, con út cháu Trần Minh P và chị Trần Thị Bạch T3 đang ở trên nhà đất có tranh chấp và ngoài chỗ ở này chúng tôi không có chỗ ở nào khác. Tôi đề nghị tòa chia cho tôi được hưởng kỷ phần bằng hiện vật là toàn bộ căn nhà trên (vì căn nhà đó không chia được). Tôi sẽ thanh toán tiền cho các kỷ phần còn lại.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- **Bà Trần Thị Bạch T3 trình bày:** Bố tôi là ông Trần Đình T4 mất năm 2000, mẹ tôi là bà Nguyễn Thị T5 mất năm 2014. Bố mẹ tôi sinh được 07 người con là: Trần Thị H1; Trần Thị H; Trần Thị H2; Trần Thị Bạch T3; Trần Thị L; Trần Kim N và Trần Chiến T2. Mẹ tôi (bà Nguyễn Thị T5) có 01 người con riêng là Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị D1), sinh năm 1949; Hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số A ngõ C, thôn T, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Bố tôi (ông T4) chết không để lại di chúc. Năm 2009, khi mẹ tôi còn sống thì mẹ tôi cùng các con quyết định bán căn nhà 36 tổ 7 Thịnh Quang của bố mẹ tôi được số tiền 3 tỷ và được phân chia: 1/3 số tiền cho cậu T2, 1/3 cho 6 chị em gái và 1/3 là của mẹ tôi (có biên bản họp gia đình).

Phần của mẹ tôi có nhờ con rể là Nguyễn Ngọc D mua hộ căn nhà tại địa chỉ: Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ với số tiền là 900.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng cô L giữ hộ bà cùng toàn bộ giấy tờ. Năm 2014, mẹ tôi có lập di chúc, nội dung khi mẹ tôi chết thì căn nhà số D ngõ D phố V cho 4 người con gái gồm có tôi: Trần Thị Bạch T3, Trần Thị H, Trần Thị L, Trần Kim N. Mẹ tôi cho 4 người con gái được sử dụng và không được bán.

Nay quan điểm của tôi về yêu cầu khởi kiện: Mẹ tôi là bà Nguyễn Thị T5 trước khi chết có để lại di chúc cho 4 con gái chỉ sử dụng và không được bán.

Tôi hiện tại không chồng không con và hiện tại đang ở nhà đất này (Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội). Tôi đề nghị Tòa giải quyết phân tích về mặt tình cảm để các bên tự thỏa thuận. Trường hợp vụ án không thỏa thuận hòa giải được tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi hiện không có chồng con, không có chỗ ở nào khác. Trong trường hợp di chúc của mẹ tôi không hợp pháp phải chia theo pháp luật tôi xin nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng hiện vật là căn nhà trên và tôi thanh toán tiền cho các kỷ phần thừa kế còn lại.

- Bà Trần Thị H2 trình bày: Về quan hệ huyết thống, bố tôi là cụ Trần Đình T4 (mất năm 2000), mẹ tôi là cụ Nguyễn Thị T5 (mất năm 2014). Bố mẹ tôi sinh được 07 người con, cụ thể: Chị H1, chị H, H2 (là tôi), em T3, em L, em N và cậu T2 (cậu út). Ngoài ra bố tôi không có con riêng, con nuôi nào khác. Mẹ tôi có người con riêng là Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị D1), sinh năm 1949; Hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số A ngõ C, thôn T, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Bố tôi mất không để lại di chúc; mẹ tôi mất có để lại di chúc, việc mẹ tôi có để lại di chúc là do tôi nghe được khi các anh chị em trong gia đình bất đồng về tài sản của mẹ tôi (khoảng vài tháng sau khi mẹ tôi mất).

Về di sản thừa kế: Bố mẹ tôi khi còn sống có khối tài sản là nhà đất tại số C T, phường T, quận Đ, Hà Nội. Năm 2009, mẹ tôi cùng tất cả anh chị em trong gia đình đã xác định nhà đất số C T là tài sản chung và cùng bán với giá là 3 tỷ đồng và phân chia cụ thể: Số tiền được chia làm 03 phần: 01 tỷ đồng chia cho cậu T2 để mua nhà (cậu T2 dùng số tiền này mua nhà khác để ở và sau một thời gian vợ chồng lại bán đi); 01 tỷ đồng chia đều cho 06 chị em gái, còn lại 01 tỷ đồng là của mẹ tôi (có lập văn bản chia và mọi người cùng ký). Số tiền 01 tỷ đồng của mẹ tôi, mẹ tôi đã mua 01 căn nhà tại số D, ngõ D, phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội với giá là 900.000.000 đồng. Khi mẹ tôi nhận chuyển nhượng con rể (em D) đứng lên giao dịch. Còn 100.000.000 đồng để lo thuốc men cho mẹ tôi.

Như vậy, tôi khẳng định căn hộ tại số D, ngõ D, phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội là tài sản của mẹ tôi (bà Nguyễn Thị T5).

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn tôi có quan điểm như sau: Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, trường hợp nếu di chúc của mẹ tôi xác định là hợp pháp thì tôi không có ý kiến gì; còn trong

trường hợp di chúc không hợp pháp tôi đề nghị Tòa chia thừa kế theo pháp luật và tôi xin được nhận kỷ phần của mình.

- **Bà Trần Thị H1 trình bày:** Tôi nhận thấy, di chúc hợp pháp cần phải đảm bảo các điều kiện về hình thức và nội dung theo quy định của pháp luật. Vì vậy, tôi đồng ý với quan điểm của ông T2 về việc Bản di chúc kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là di chúc không hợp pháp vì không đảm bảo điều kiện về hình thức và nội dung theo quy định của pháp luật (như trình bày của ông T2 tại Bản ghi ý kiến của bị đơn): Bản di chúc này không đánh số trang, đồng thời, ở mỗi trang (ngoại trừ trang cuối) không có chữ ký hoặc điểm chỉ của mẹ tôi (trang cuối có chữ ký nhưng có nội dung không liên quan đến việc định đoạt di sản thừa kế) là không đúng quy định tại Điều 656; khoản 2 Điều 653 Bộ luật Dân sự 2005.

Mặt khác, Bản di chúc này được lập vào ngày 02/01/2014, chỉ trước khi mẹ tôi mất hơn 03 tháng (mẹ tôi mất ngày 26/04/2014). Thời điểm này, mẹ tôi đã 85 tuổi, đang bị ung thư phổi (mẹ tôi phát hiện đang bị ung thư phổi từ tháng 8/2013). Do thời điểm đó, bệnh đã ở vào giai đoạn cuối nên sức khỏe mẹ tôi giảm sút nhiều, thường xuyên phải dùng thuốc giảm đau, do đó, có thể vào thời điểm ký bản di chúc trên, mẹ tôi không còn minh mẫn và sáng suốt. Tại thời điểm lập bản di chúc trên, tôi sinh sống ở xa, không có mặt và không được ai thông tin về việc mẹ tôi có lập di chúc, đến khi có vụ việc khởi kiện này, tôi mới được cung cấp bản chụp của di chúc. Do không trực tiếp chứng kiến, tôi cho rằng, với bản di chúc được lập không đúng quy định về nội dung và hình thức như trên (mẹ tôi không ký hoặc điểm chỉ vào từng trang) thì không thể xác định được mẹ tôi có minh mẫn, sáng suốt và được nghe hiểu toàn bộ nội dung của bản di chúc không. Vì vậy, không thể xác định bản di chúc trên là hợp pháp.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 676 BLDS 2005, vì Bản di chúc này là không hợp pháp nên trường hợp thừa kế đối với Di sản của mẹ tôi để lại là căn nhà tại số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội là thừa kế theo pháp luật, 7 người con của mẹ tôi (Bao gồm: Tôi (Trần Thị H1), bà Trần Thị H2, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Bạch T3, bà Trần Thị L, bà Trần Kim N và ông Trần Chiến T2), mỗi người được hưởng kỷ phần bằng 1/7 di sản mẹ tôi để lại, trong đó, tôi được hưởng 1/7 giá trị căn nhà; tôi đề nghị Tòa án chia di sản theo quy định của pháp luật.

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế theo nội dung Bản di chúc đối với căn nhà số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội cho bốn chị em gồm: Trần Thị H, Trần Thị Bạch T3, Trần Thị L, Trần Kim N.

Tôi đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc: Xác định Bản di chúc ngày 02/01/2014 của cụ Nguyễn Thị T5 là không hợp pháp; Giải quyết phân chia di sản là ngôi nhà tại địa chỉ số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội theo pháp luật, trong đó, ông T2 được hưởng một phần di sản (kỷ phần = 1/7 giá trị căn nhà, di sản

của mẹ để lại). Tôi yêu cầu được nhận một phần di sản (kỷ phần = 1/7 giá trị căn nhà, di sản của mẹ để lại) và đề nghị Tòa án chia di sản theo quy định của pháp luật.

- **Ông Nguyễn Ngọc D trình bày:** Tôi là con rể bà Nguyễn Thị T5 (bà T5 mất năm 2014), tôi là chồng của chị Trần Thị L. Vào năm 2009, mẹ vợ tôi có nhu cầu mua Căn nhà tại địa chỉ: Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội, để sinh sống, an dưỡng tuổi già. Do hoàn cảnh tuổi cao sức yếu, khó khăn trong việc đi lại nên bà đã nhờ tôi đứng ra thay bà thực hiện các thủ tục mua bán căn nhà với bên bán là ông Điền Văn T6 và vợ là bà Vũ Thị Hạnh N2 (cùng thường trú tại Số F phố V, Tổ F N, quận Đ, TP . Hà Nội).

Ngày 21/12/2009, tôi và ông Điền Văn T6 lập Biên bản thoả thuận và cam kết về việc mua bán nhà. Tôi đặt cọc cho ông T6 số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), sau 01 tháng tôi sẽ được nhận bàn giao nhà và một số giấy tờ đến ngôi nhà trên. Giá mua bán căn nhà là: 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*).

Đến ngày 16/01/2010, tôi và ông Điền Văn T6 cùng vợ là bà Vũ Thị Hạnh N2 ký kết Hợp đồng mua nhà (viết tay) đối với Căn nhà tại địa chỉ Số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội. Căn nhà có 02 phòng khép kín; Phía đông giáp ngõ D phố V; Phía Tây giáp hộ nhà ông Nguyễn Văn B1, tập thể A6. Phía Nam giáp nhà ông Đặng Hùng C. Phía Bắc hết bức tường ngăn với hộ ông Phan Thanh C1. Đồng thời, tôi đã thanh toán đủ số tiền mua nhà cho vợ chồng ông T6. Sau khi hoàn tất việc mua bán, tôi nhận nhà và bàn giao lại toàn bộ giấy tờ và căn nhà cho bà Nguyễn Thị T5 để sử dụng.

Tôi cam kết toàn bộ tiền mua căn nhà trên là của mẹ vợ tôi - bà Nguyễn Thị T5. Tôi chỉ giúp bà đứng ra giao dịch và đứng tên trên giấy tờ mua bán nhà. Điều này được thể hiện tại Giấy bán nhà ngày 15/01/2010 ông Điền Văn T6 cũng khẳng định ngôi nhà thực tế được bán cho bà Nguyễn Thị T5; và Giấy cam đoan ngày 28/08/2013 giữa tôi và bà Nguyễn Thị T5 về nội dung đứng tên mua hộ.

Như vậy, tôi khẳng định căn nhà tại địa chỉ số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội thuộc quyền sử dụng và định đoạt của bà Nguyễn Thị T5. Hiện nay, các chị em là con đẻ của bà Nguyễn Thị T5 đang xảy ra Tranh chấp liên quan đến căn nhà trên, tôi không có ý kiến gì về việc này. Kính đề nghị Toà án nhân dân quận Đống Đa giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- **Bà Bùi Thu H3 trình bày:** Theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L, bà Trần Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết: “Công nhận Bản di chúc ngày 02/01/2014 của bà Nguyễn Thị T5 là hợp pháp. Đề nghị phân chia Di sản thừa kế theo nội dung Bản Di chúc đối với căn nhà số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội cho bốn chị em gồm: Bà Trần Thị H, Trần Thị Bạch T3, Trần Thị L, Trần Kim N.”

Tôi là vợ ông Trần Chiến T2 (bị đơn). Hiện nay, gia đình tôi đang sinh sống tại căn nhà số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tôi có ý kiến như sau:

- Về nội dung tranh chấp: Tôi thống nhất với quan điểm của ông Trần Chiến T2 đã nêu tại các văn bản ghi ý kiến.

- Về việc giải quyết đối với chi phí sửa chữa nhỏ tại căn nhà số D ngõ D phố V. Trong quá trình sinh sống tại căn nhà số D ngõ D phố V, do nhà bị xuống cấp nên vợ chồng tôi đã thực hiện sửa chữa để khắc phục một số hư hỏng nhỏ của căn nhà. Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết đối với chi phí sửa chữa nhỏ tại căn nhà số D ngõ D phố V.

- **Bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị D1) trình bày:** Tôi sinh năm 1949 theo gia phả ở quê nội (xóm Đ, N, Hà Nội), còn theo giấy khai sinh của bố mẹ nuôi thì tôi sinh năm 1956. Bố đẻ tôi là Nguyễn Quý G và mẹ đẻ là Nguyễn Thị T5. Bố mẹ nuôi tôi là người La Phù, Hoài Đ1. Ông Nguyễn Duy Đ2, bà Tạ Thị K (đều đã chết). Bố mẹ nuôi tôi khi còn sống có nói với tôi là nhận nuôi tôi từ khi tôi được hơn một năm. Lý do tôi được cho làm con nuôi là ông G chết (chết trẻ) và bà T5 cho tôi để bà đi bước nữa. Sau khi bà T5 cho tôi làm con nuôi, bà T5 không liên lạc gì với tôi. Đến cuối năm 1974, tôi kết hôn với ông Nguyễn Công T7 (là chồng hiện tại) thì cả hai bên nội ngoại của tôi trong đó có cả bà T5 (mẹ tôi) về ăn cưới. Lý do bên nội ngoại của tôi biết là do ông C2 người Đại Mỗ kết nối việc nhận con nuôi cho bố mẹ nuôi tôi, ông C2 (đã chết). Sau ngày tôi kết hôn, biết được nguồn gốc của mình tại Đại Mỗ nên năm nào tôi cũng về quê để hương khói cho bố đẻ và các cụ. Vợ chồng tôi thường xuyên thăm hỏi bà T5 và bà T5 cũng nhiều lần về nhà vợ chồng tôi. Khi ông Trần Đình T4 mất, gia đình tôi cũng theo lễ và đưa ông T4 về quê Thái Bình chôn cất. Khi bà T5 ốm nặng vợ chồng tôi ra chăm nom (phân công theo lượt trong số các con em). Lúc bà T5 còn sống và bán nhà được ba tỷ đồng và phân chia tôi có biết nhưng tôi không có ý kiến gì vì tôi biết tài sản đó là của ông T4 (bố đẻ) không liên quan gì đến tôi. Nay có việc khởi kiện chia thừa kế tài sản của bà T5 (mẹ đẻ) tôi có quan điểm: Trường hợp bà T5 có di chúc và di chúc đó hợp pháp thì tôi không có ý kiến gì, những người trong di chúc đó được hưởng. Trường hợp di chúc không đúng theo quy định và chia tài sản của bà T5 theo pháp luật thì tôi là người con có trách nhiệm khi bà ốm đau như những chị em khác nên tôi xin nhận kỷ phần thừa kế để làm vật kỷ niệm của mẹ. Tôi xin nhận kỷ phần bằng tiền.

Theo gia phả hiện đang lưu giữ tại nhà thờ họ Nguyễn Quý ở Đ - N có ghi ông nội tôi là Nguyễn Quý T8 sinh ra bố tôi là Nguyễn Quý G kết hôn với bà Nguyễn Thị T5 và sinh ra được tôi là Nguyễn Thị Đ, tôi không còn lưu giữ giấy tờ gì. Từ bé đến lớn – kết hôn và sinh con tôi khỏe mạnh bình thường. Cách đây khoảng 20 năm (49 tuổi) tôi bị tai biến. Hiện tại tôi vẫn minh mẫn và chỉ đi lại trong nhà.

- **Chị Trần Minh P trình bày:** Chị được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự theo Đơn khởi kiện của bà Trần Thị H, bà Trần Thị L, bà Trần Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết: “*Công nhận Bản Di chúc ngày 02/01/2014 của cụ bà Nguyễn Thị T5 là hợp pháp. Đề nghị phân chia Di sản thừa kế theo nội dung*

Bản Di chúc đối với căn nhà số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội cho bốn chị em gồm: Trần Thị H, Trần Thị Bạch T3, Trần Thị L, Trần Kim N’.

Chị là con gái ông Trần Chiến T2 (bị đơn). Hiện nay, chị đang sinh sống cùng bố mẹ tại căn nhà số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị có ý kiến như sau: Trong thời gian sinh sống tại căn nhà số D ngõ D phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội, chị không đóng góp công sức, tài sản đối với các chi phí sửa chữa tại căn nhà tuy nhiên đây là nơi ở duy nhất của chị và gia đình. Chị không có nơi ở nào khác nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông Trần Chiến T2 (bố chị) được hưởng di sản thừa kế của bà nội và tuyên bố cho ông T2 được nhận bằng hiện vật (nhà đất) để gia đình chị có chỗ ở. Chị đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án do bận đi học.

Tại bản án số 221/2025/DSST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã xử và quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 627, khoản 2 điều 628, 634, 659 Bộ luật dân sự. Áp dụng Luật người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Trần Thị H, bà Trần Thị L và bà Trần Kim N về việc: Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T5 theo di chúc.

Xác định di chúc của cụ Nguyễn Thị Thu L2 ngày 02/01/2014 là hợp pháp và có điều kiện.

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị T5 là ngày 26/4/2014.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T5 là nhà đất tại địa chỉ: Số D, ngõ D phố V, phường N (nay là phường T), quận Đ, thành phố Hà Nội có tổng trị giá là 542.434.200 đồng (trong đó giá trị phần xây dựng 53.914.200 đồng; Giá trị quyền sử dụng đất 488.520.000 đồng).

Bà Trần Thị H, bà Trần Thị Bạch T3, bà Trần Thị L, bà Trần Kim N được hưởng di sản của cụ Nguyễn Thị T5 theo di chúc là quyền sử dụng chung nhà đất tại địa chỉ: Số D, ngõ D phố V, phường N (nay là phường T), quận Đ, thành phố Hà Nội. Tính giá trị bằng tiền thì mỗi kỳ phần được hưởng là 135.608.550 đồng.

Các yêu cầu của bị đơn ông Trần Chiến T2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H1, bà Trần Thị H2, bà Nguyễn Thị Đ, bà Bùi Thu H3, chị Trần Minh P không được chấp nhận.

Buộc ông T2, bà H3, chị P thực tế đang ở trên nhà đất trên phải chuyển đi chỗ khác, để trả lại nhà đất tại số D, ngõ D phố V, phường N (nay là phường T), quận Đ, thành phố Hà Nội cho những người được hưởng di sản thừa kế là bà Trần Thị H, bà Trần Thị Bạch T3, bà Trần Thị L, bà Trần Kim N.

Nhà đất thừa kế tại số D, ngõ D phố V, phường N (nay là phường T), quận Đ, thành phố Hà Nội chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nên những người được hưởng di sản thừa kế có nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp Giấy chứng nhận khi Nhà nước có chủ trương theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/6/2025, ông Trần Chiến T2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 27/6/2025, bà Trần Thị Bạch T3 kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà xin được nhận một phần di sản là $\frac{1}{4}$ giá trị căn nhà đồng thời giao căn nhà trên cho bà và bà sẽ thanh toán cho các đồng thừa kế bằng giá trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn quy định nên chấp nhận. Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Theo bản đồ địa chính, sổ mục kê và hồ sơ quản lý của UBND phường thì nhà đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 104-6-G-III-23 có tên trên sổ mục kê là ông Nguyễn Văn T9. Nhà đất tranh chấp có việc mua bán, chuyển nhượng viết tay qua nhiều người và hiện thửa đất chưa được cấp GCNQSD đất. Để xác định thông tin của ông Nguyễn Văn T9 là chủ sử dụng đất đầu tiên làm căn cứ xem xét việc mua bán chuyển nhượng thửa đất trên, Tòa án đã tiến hành xác minh và được công an phường Đ cung cấp: *Tại số D ngõ D, phường N, quận Đ không có ai tên Nguyễn Văn T9 sinh sống nên không có thông tin về ông Nguyễn Văn T9.* Vì vậy không lấy được lời khai của ông T9. Tuy nhiên, theo U tại số D ngõ D, phường N (nay là phường Đ) thuộc diện qui hoạch đất ở. Người chuyển nhượng cuối cùng cho cụ T5 là ông T7 có lời khai việc chuyển nhượng giữa ông và cụ T5 không phát sinh bất kì tranh chấp nào. Vì vậy có căn cứ xác định việc chuyển nhượng giữa ông T7 và cụ T5 không có tranh chấp. Về các giao dịch chuyển nhượng khác liên quan đến thửa đất trên nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Xét kháng cáo của ông T2, nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông, xác định di chúc không hợp pháp, chia di sản thừa kế của cụ T5 theo pháp luật, nhận thấy:

Cụ Nguyễn Đình T10 (chết 2000, không để lại di chúc) và cụ Nguyễn Thị T5 (chết 2014, có để lại di chúc). Hai cụ có 07 người con chung gồm: Bà H1, bà H, bà H2, bà T3, bà L, bà N, ông T2. Ngoài ra, cụ T5 còn có 1 người con riêng là bà Đ.

Tài sản của cụ T10 và cụ T5 là nhà đất tại số C, tổ G, phường T, Đ. Sau khi cụ T10 chết, năm 2009 nhà đất trên cụ T5 và 07 người con đã thống nhất xác định là tài sản chung và chuyển nhượng được số tiền là 03 tỷ đồng. Số tiền chuyển nhượng, cụ T5 và các con đã thỏa thuận việc phân chia theo Biên bản thỏa thuận phân chia ngày 13/10/2009, cụ thể: Ông T2 được 01 tỷ đồng; 06 người con gái được 01 tỷ đồng; Cụ T5 được 01 tỷ đồng. Cụ T5 đã dùng số tiền được chia riêng nhờ ông D đứng tên mua nhà đất tại Số D, ngõ D, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội của ông Điền Văn T6 nên bản án sơ thẩm xác định nhà đất đang tranh chấp là tài sản riêng của cụ T5 là có căn cứ.

Ngày 26/4/2014, cụ T5 chết. Trước khi chết cụ T5 có để lại di chúc bằng văn bản lập ngày 02/01/2014 tại nhà riêng của cụ, di chúc được viết tay nội dung: "... Khi tôi hai năm mươi về với tổ tiên tôi định đoạt tài sản của tôi là căn nhà số D phố V như sau: Tôi giành căn hộ số S, ngõ D phố V, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội cho 04 (bốn) cô con gái ruột của tôi có tên sau: Trần Thị H, Trần Thị Bạch T3, Trần Thị L, Trần Kim N. Khi mất căn hộ này để lại cho 04 (bốn) cô con gái có tên ở trên được sử dụng nhưng không được bán...". Bản di chúc được viết tay do luật sư Cao Văn B lập gồm 4 trang, có chữ ký và điểm chỉ của cụ T5 tại trang cuối, có người làm chứng là bà Phạm Thị L1 và bà Trương Thị Thanh N3 ký tại tất cả các trang. Người làm chứng đều xác nhận Bản di chúc là đúng sự thật và tại thời điểm lập di chúc cụ T5 còn minh mẫn, ăn uống, nói chuyện bình thường, không bị ai lừa dối, đe dọa, cưỡng ép...

Khoản 2 điều 653BLDS 2005 "...nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc". Bản di chúc của cụ T5 không đảm bảo theo qui định trên, song nội dung di chúc (các trang) có tính logic thể hiện ý nguyện của người để lại di sản và đều có chữ ký của người làm chứng là bà L1, bà N3. Tại BL95, ông T2 cũng khai "Sau khi mất, mẹ tôi đã để lại bản di chúc được lập ngày 02/1/2014 dưới sự làm chứng của bà Phạm thị L1 và Trương Thị Thanh N3... nhưng bản di chúc này không hợp pháp...". Ông T2 cho rằng tại thời điểm cụ T5 lập di chúc, cụ T5 không còn minh mẫn nhưng ông T2 không có tài liệu chứng minh.

Ngoài ra, ngày 18/12/2018, ông T2 có ký xác nhận vào bản cam kết, có nội dung: Ông Trần Chiến T2 xác định bà Thu M1 căn hộ ở số D, ngõ D phố V, phường N. Lúc còn sống bà T5 có làm di chúc để lại cho 04 chị (bà Trần Thị H, bà Trần Thị Bạch T3, bà Trần Thị L và bà Trần Kim N) được hưởng quyền thừa kế đó. Nay vì hoàn cảnh vợ chồng gặp khó khăn nên viết giấy mượn tạm một thời gian để vợ chồng và các con ở và khi nào các chị cần thì vợ chồng sẽ trả lại cho các chị. Theo nội dung bản cam kết trên thể hiện ông T2 đã thừa nhận đúng ý chí của cụ T5 khi viết di chúc để lại tài sản cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị Bạch T3, bà Trần Thị L và bà Trần Kim

N. Vì vậy thấy, về hình thức của di chúc chưa phù hợp với qui định của pháp luật, tuy nhiên qua lời khai những người làm chứng khẳng định tại thời điểm lập di chúc cụ T5 còn sáng suốt, minh mẫn, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép và nội dung di chúc theo đúng ý nguyện của cụ T5. Từ thời điểm mở thừa kế đến khi có tranh chấp, các thừa kế của cụ T5 không ai có ý kiến gì.... Tại phiên tòa bà H2 (người không được hưởng thừa kế theo di chúc) cũng khẳng định tại thời điểm lập di chúc cụ T5 còn sáng suốt, minh mẫn và nội dung di chúc là theo ý nguyện của cụ T5.

Mặt khác, tại Biên bản họp gia đình để phân chia tài sản chung và di sản thừa kế của cụ T10 năm 2009, các thừa kế thống nhất nội dung *ông T2 được hưởng 1/3 số tiền bán nhà và không được hưởng 2/3 số tiền còn lại. Căn nhà mua để bà T5 ở, sau này thuộc quyền lợi của 6 người con gái khi bà mất*. Do đó trường hợp di chúc không hợp pháp thì ông T2 cũng không có quyền yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất này.

Đối với các đồng thừa kế khác không ai có đơn yêu cầu độc lập chia thừa kế theo pháp luật, do đó bản án sơ thẩm không xem xét chia thừa kế theo pháp luật, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, xác định di chúc thể hiện đúng ý chí của cụ T5 nên di chúc hợp pháp, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế theo di chúc là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bà T3, nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuyên không chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho bà được nhận 1 phần di sản là $\frac{1}{4}$ trị giá căn nhà bằng hiện vật và trả cho các đồng thừa kế giá trị còn lại của căn nhà. Nhận thấy: Di chúc của cụ T5 có nội dung *Khi mất căn hộ này để lại cho 04 (bốn) cô con gái có tên ở trên được sử dụng nhưng không được bán...*. Do di chúc có hiệu lực nên bản án sơ thẩm đã chia di sản thừa kế của cụ T5 cho bà H, bà T3, bà L, bà N được hưởng bằng hiện vật, mỗi người được $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất là có căn cứ. Từ phân tích trên, thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T2, bà T3 và đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn quy định nên chấp nhận đưa ra xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Bản di chúc được viết tay do luật sư Cao Văn B – Trưởng Văn phòng luật sư Tạ Đ3 chứng kiến và lập, có người làm chứng là bà Phạm Thị L1, sinh năm 1939, địa chỉ: Số H V, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội và bà Trương Thị Thanh N3, sinh năm 1966, địa chỉ: Số G V, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người làm chứng đều xác nhận Bản di chúc là đúng sự thật và tại thời điểm lập di chúc cụ T5 còn minh mẫn, ăn uống, nói chuyện bình thường, không bị ai lừa dối, đe dọa, cưỡng ép...

Theo Điều 634 Bộ luật dân sự quy định:”...*Di chúc bằng văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 và Điều 632 của Bộ luật này*”.

Theo khoản 3 Điều 631 Bộ luật dân sự quy định:”...*nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc*”. Bản di chúc của cụ T5 không thỏa mãn điều kiện trên, song nội dung di chúc (các trang) có tính logic thể hiện ý nguyện của người để lại di sản và tại các trang của di chúc có dấu giáp lai của Văn phòng L4 và đều có chữ ký của người làm chứng là bà L1, bà N3. Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Chiến T2 cũng thừa nhận có tính logic của từng trang trong bản di chúc. Cụ T5 chết, thời điểm mở thừa kế của cụ T5 kể từ ngày 26/4/2014 cho đến khi có tranh chấp, các thừa kế của cụ T5 không ai có ý kiến gì. Tại bản cam kết ngày 18/12/2018 có chữ ký xác nhận của ông T2, có nội dung: Ông Trần Chiến T2 xác định bà Thu M1 căn hộ ở số D, ngõ D phố V, phường N. Lúc còn sống bà T5 có làm di chúc để lại cho 04 chị (bà Trần Thị H, bà Trần Thị Bạch T3, bà Trần Thị L và bà Trần Kim N) được hưởng quyền thừa kế đó. Nay vì hoàn cảnh vợ chồng gặp khó khăn nên viết giấy mượn tạm một thời gian để vợ chồng và các con ở và khi nào các chị cần thì vợ chồng sẽ trả lại cho các chị.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T2 cho rằng tại thời điểm cụ T5 lập di chúc, cụ T5 không còn minh mẫn và việc ký vào bản cam kết ngày 18/12/2018 là chữ ký của ông nhưng ông không biết nội dung vì khi đó ông đang ở trong tình trạng biếu bia rượu nhưng ông T2 không có tài liệu chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bản di chúc của cụ T5 được lập ngày 02/01/2014 là hoàn toàn hợp pháp và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T2.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bạch T11 thì thấy rằng tại cấp sơ thẩm bà không có yêu cầu độc lập về việc xin nhận 1/4 di sản của cụ T5. Đồng thời căn cứ vào di chúc của cụ T5 thể hiện “*Khi mất căn hộ này để lại cho 04 (bốn) cô con gái có tên ở trên được sử dụng nhưng không được bán...*”. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T11.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T2, bà T11 nên giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật..

Về án phí: Ông Trần Chiến T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Trần Thị Bạch T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Chiến T2 và bà Nguyễn Thị Bạch T11. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 221/2025/DSST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội.

2. Về án phí: Ông Trần Chiến T2 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0000065 ngày 04/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bà Trần Thị Bạch T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi. Trả lại cho bà Trần Thị Bạch T3 số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0000067 ngày 04/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Hà Nội;
- TAND khu vực 2 - HN;
- THADS thành phố HN;
- Phòng THADS khu vực 2 - HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng

1. Căn cứ chính để chấp nhận kháng cáo (lỗi hình thức di chúc)

Di chúc ngày 02/01/2014 gồm **04 trang**, **không đánh số thứ tự từng trang** và **không có chữ ký/điểm chỉ của người lập di chúc (bà Nguyễn Thị T5) trên từng trang** (chỉ trang cuối có chữ ký, nhưng nội dung trang cuối không liên quan đầy đủ đến định đoạt di sản).

- **Quy định pháp luật** (Điều 653 khoản 2 & Điều 656 BLDS 2005): Di chúc bằng văn bản (có người làm chứng) **phải** ghi rõ nội dung bắt buộc, **không viết tắt/ký hiệu**, và **nếu gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc**. Người làm chứng xác nhận chữ ký/điểm chỉ.

- **Hậu quả**: Đây là **vi phạm nghiêm trọng về hình thức**, dễ dẫn đến Tòa tuyên **di chúc vô hiệu toàn bộ hoặc một phần**. Nhiều bản án tương tự đã bác di chúc vì lỗi này (không ký nháy từng trang).

Kết luận phần này: Kháng cáo của ông T2 (và bà H1) về hình thức có **căn cứ mạnh**. Sơ thẩm chấp nhận di chúc là dễ bị phúc thẩm sửa.

2. Căn cứ về năng lực hành vi (minh mẫn, sáng suốt)

- Bà T5 85 tuổi, ung thư phổi giai đoạn cuối (phát hiện 8/2013), dùng morphin liều cao giảm đau → lập di chúc cách ngày mất (26/4/2014) chỉ hơn 3 tháng.

- Bên kháng cáo lập luận: Thuốc gây ức chế thần kinh, mất tập trung, giảm trí nhớ → không minh mẫn.

- **Quy định**: Điều 652 BLDS 2005 yêu cầu người lập di chúc **phải minh mẫn, sáng suốt**, không bị lừa dối/cưỡng ép.

- **Thực tế:**

- Có người làm chứng (bà L1, bà N3) + Luật sư chứng kiến → nghiêng về hợp pháp nếu họ xác nhận bà T5 tỉnh táo lúc lập.
- Nhưng không có giám định tâm thần hoặc tài liệu y tế cụ thể chứng minh "không minh mẫn" tại thời điểm chính xác 20h ngày 02/01/2014.
- Sử dụng morphin không tự động vô hiệu hóa di chúc nếu bệnh nhân vẫn tỉnh táo (phụ thuộc bằng chứng).

Kết luận phần này: Căn cứ **yếu hơn** so với lỗi hình thức, trừ khi có thêm chứng cứ y tế/giám định mạnh ở phúc thẩm.

3. Các vấn đề khác

- **Tài sản là riêng của bà T5:** Hồ sơ khá rõ (tiền bán nhà cũ của bà, mua nhà mới đứng tên ông D nhưng cam kết là của bà T5). Phần này sơ thẩm xử đúng, khó lật ngược.
- **Phân chia theo pháp luật nếu di chúc vô hiệu:** 7 con đẻ + bà Nguyễn Thị Đ (con riêng của bà T5) → chia đều (1/8 mỗi người, trừ trường hợp đặc biệt). Bà Đ có quyền thừa kế nếu chứng minh quan hệ con.
- **Kháng cáo của bà Bạch T3:** Muốn nhận nhà in-kind + thanh toán tiền cho các chị em → có thể xem xét nếu Tòa phúc thẩm bác di chúc và áp dụng chia theo pháp luật + tình cảm/gia đình (nhưng không bắt buộc).

4. Đánh giá tổng thể khả năng phúc thẩm

- **Cao khả năng sửa án:** Bác di chúc (toàn bộ hoặc phần định đoạt) vì lỗi hình thức → chia thừa kế theo pháp luật. Ông T2, bà Bạch T3, bà H1... có cơ hội nhận phần giá trị.
- **Không chấp nhận toàn bộ:** Nếu Tòa phúc thẩm coi lỗi hình thức không đủ để vô hiệu (hiếm), hoặc có đủ chứng cứ minh mẫn + ý chí rõ ràng của bà T5.
- Viện Kiểm sát thường ủng hộ tuân thủ nghiêm ngặt hình thức di chúc.

Khuyến nghị:

- Người kháng cáo cần bổ sung chứng cứ y tế, lời khai người làm chứng chi tiết, hoặc yêu cầu giám định.
- Các bên nên hòa giải (Tòa phúc thẩm thường khuyến khích).

Tóm lại, **có căn cứ rõ ràng để Tòa phúc thẩm chấp nhận kháng cáo về hình thức di chúc**, dẫn đến khả năng sửa bản án sơ thẩm. Phần còn lại phụ thuộc tranh tụng cụ thể tại phiên phúc thẩm. Nếu cần phân tích chi tiết hơn hoặc soạn luận cứ, cung cấp thêm tài liệu (bản di chúc gốc, biên bản làm chứng...).

Điều kiện để di chúc hợp pháp (Điều 652 BLDS 2005)

Di chúc được coi là **hợp pháp** khi có **đủ** các điều kiện sau:

1. **Người lập di chúc:**
 - Minh mẫn, sáng suốt khi lập di chúc.
 - Không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép.
2. **Nội dung di chúc:**
 - Không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.
3. **Hình thức di chúc:**
 - Phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

3. Nội dung bắt buộc của di chúc bằng văn bản (Điều 653 BLDS 2005)

Di chúc phải ghi rõ:

- Ngày, tháng, năm lập di chúc.
- Họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc.
- Họ, tên người/cơ quan/tổ chức được hưởng di sản (hoặc điều kiện để được hưởng).

- Di sản để lại và nơi có di sản.
- Việc chỉ định người thực hiện nghĩa vụ và nội dung nghĩa vụ (nếu có).

Quy tắc quan trọng:

- Không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu.
- **Nếu di chúc gồm nhiều trang:** Mỗi trang **phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ** của người lập di chúc.

4. Các loại di chúc bằng văn bản

• Di chúc bằng văn bản có người làm chứng (Điều 656):

- Người lập không tự viết được thì nhờ người khác viết.
- Phải có **ít nhất 2 người làm chứng**.
- Người lập ký hoặc điểm chỉ **trước mặt** người làm chứng.
- Người làm chứng ký xác nhận vào di chúc.
- Phải tuân thủ Điều 653 và 654.

Quan trọng: Di chúc **không bắt buộc** phải công chứng hoặc chứng thực (trừ một số trường hợp đặc biệt).

6. Hiệu lực của di chúc

- Di chúc chỉ có hiệu lực **từ thời điểm mở thừa kế** (thời điểm người lập di chúc chết).
- Nếu có nhiều di chúc → chỉ bản **sau cùng** có hiệu lực (khoản 5 Điều 667).
- Di chúc có thể bị **vô hiệu** nếu vi phạm điều kiện tại Điều 652 hoặc hình thức.

7. Quyền của người lập di chúc (Điều 648)

- Chỉ định người thừa kế, truất quyền thừa kế.
- Phân chia di sản cho từng người.
- Dành một phần di sản để thờ cúng.
- Giao nghĩa vụ cho người thừa kế...

Liên hệ với vụ án bạn cung cấp

Trong bản án, tranh chấp tập trung vào:

• **Hình thức:** Di chúc 4 trang, **không đánh số trang, không ký/điểm chỉ từng trang** → vi phạm Điều 653 khoản 2 → **có căn cứ tuyên vô hiệu**.

• **Năng lực:** Minh mất khi dùng morphin → cần chứng minh bằng lời khai người làm chứng + tình trạng sức khỏe thực tế.

